

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

Bản án số: 32/2025/HS-ST

Ngày 16/4/2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Xoa và bà Nguyễn Thị Lựu

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Tiên Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên: Ông Nguyễn Văn Hiếu và bà Vũ Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2025/TLST-HS ngày 20 tháng 02 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2025/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Trần Đức M, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Khu dân cư C, phường D, thị xã K, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hoá: 12/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Trần Đức Q và bà Ngô Thị M1; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 37 ngày 25/1/2021 của Công an thị xã K về hành vi đánh bạc, mức phạt 350.000 đồng, đã nộp phạt ngày 26/01/2021.

Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường số 113 ngày 18/6/2021 của Chủ tịch UBND xã H về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, chấp hành xong ngày 18/9/2021.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 02/10/2024. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H.

2. Mạc Văn H, sinh năm 1983; Nơi cư trú: KDC L, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hoá: 08/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Mạc Duy H1 và bà Trần Thị K, có vợ Nguyễn Thị H2, sinh năm 1987; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 02/10/2024. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H.

3. Lò Thị L, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Bản P, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: khơ mú; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Trình độ văn hoá: 0/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Lò Văn P, đã chết và bà Lò Thị K1; Có chồng: Lò Văn N. Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 02/10/2024. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H.

4. **Lò Thị V**, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Bản H, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: khơ mú; Tôn giáo: Không. Giới tính: Nữ; Trình độ văn hoá: 0/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Lò Văn N1 và bà Lò Thị V1; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 02/10/2024. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H.

5. **Mòng Văn T**, sinh năm 2004; Nơi cư trú: Bản L, xã H, huyện S, tỉnh Sơn La; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: khơ mú; Tôn giáo: Không. Giới tính: Nam; Trình độ văn hoá: 12/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Mòng Văn C và bà Lò Thị N2; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 02/10/2024. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H.

6. **Quàng Thị Đ**, sinh năm 2003; Nơi cư trú: Bản P, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: khơ mú; Tôn giáo: Không. Giới tính: Nữ; Trình độ văn hoá: 09/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Quàng Văn T1 và bà Lò Thị N3; Có chồng: Lò Văn Q1, sinh năm 2002. Bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2019, con nhỏ nhất sinh năm 2021. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 13/01/2025. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H.

Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Lò Thị L, Lò Thị V, Mòng Văn T và Quàng Thị Đ: Bà Lê Thị Thu H3 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý tỉnh H. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Tối ngày 25/2/2024, tại phòng trọ số 3 của Lò Thị L thuộc khu nhà trọ của gia đình ông Nguyễn Văn M2 ở Khu dân cư P- phường A- Thị xã K- tỉnh Hải Dương có Mạc Văn H, Trần Đức M, Lò Thị V, Lò Thị L ngồi ăn cơm cùng nhau. Lúc này M rủ mọi người sau khi ăn xong cùng góp tiền mua ma túy tổng hợp thuê phòng hát sử dụng ma túy. M bảo H sang phòng của Mòng Văn T và Quàng Thị Đ ở cùng khu trọ bảo T và Đ cùng đi. M sang phòng gặp T và Đ bảo có đi chơi ma túy không thì sang phòng L để bàn. Khi T và Đ đi sang phòng L, M bảo T và Đ cùng chung tiền đi mua ma túy và thuê phòng hát để sử dụng ma túy, tiền sẽ chia đều mọi người, T và Đ đồng ý. M bảo H gặp Nguyễn Văn L1 (ở cùng khu trọ) lấy chịu ma túy, H đồng ý, thống nhất lấy 04 viên ma túy tổng hợp. Đ đặt phòng hát của bà Nguyễn Thị T2 là chủ quán Karaoke Ngọc H4, có địa chỉ ở: khu dân cư L- phường H- thị xã K, còn H thấy L1 đi qua liền gọi lại nói với L1 cho mua chịu 4 viên ma túy tổng hợp, khoảng 2 đến 3 ngày sau sẽ trả tiền, L1 đồng ý và thống nhất giá là 350.000 đồng/viên. Khoảng 15 phút sau thì L1 gọi H ra cửa phòng trọ của L đưa cho H 04 viên ma túy tổng hợp được đựng trong 01 túi nilon màu trắng, H cất vào túi áo đang mặc. Khoảng 20 giờ cùng ngày 06 người cùng đi đến quán K2 thuê phòng hát số 3. Quá trình hát

thì H lấy túi ma túy ra đưa cho M 01 viên ma túy, M sử dụng $\frac{1}{2}$ viên rồi đưa cho V $\frac{1}{2}$ viên để V sử dụng; H lấy 01 viên ma túy sử dụng hết $\frac{1}{2}$ viên, còn lại $\frac{1}{2}$ viên H đưa cho L sử dụng. Sau đó H để túi nilon có chứa 02 viên ma túy trên mặt bàn trong phòng hát thì T lấy 01 viên ma túy bẻ một phần ra sử dụng, phần còn lại T cho vào cốc nhựa pha với nước cocacola đưa cho Đ sử dụng. Sau khi cùng nhau sử dụng hết số ma túy đến khoảng gần 23 giờ thì chủ quán yêu cầu nghỉ. 06 người tiếp tục đến quán K3, địa chỉ ở: khu dân cư L, phường H, thị xã K do bà Trần Thị N4 làm chủ, thuê phòng hát số 2 để hát. Khi đang hát thì L nói với V và Đ mua thêm ma túy về cùng sử dụng, V và Đ đồng ý. V đi đến chỗ Đ bảo Đ hỏi H lấy thêm 03 viên ma túy cùng sử dụng, Đ đồng ý và nói lại với H. H mượn điện thoại của L gọi điện thoại cho L1 hỏi mua thêm 03 viên ma túy và bảo L1 đem đến quán K3, L1 đồng ý. Khoảng 23 giờ 15 phút cùng ngày thì H đi ra cổng quán K3 gặp L1 đưa cho 03 viên ma túy được gói trong giấy trắng. H đi vào phòng hát, 06 người chia nhau 03 viên ma túy rồi sử dụng hết. Đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 26/2/2024 thì Tổ công tác thuộc Công an thị xã K đến phòng hát số 2 kiểm tra, lập biên bản vụ việc.

Cơ quan điều tra đã tiến hành lấy mẫu máu của Mạc Văn H, Trần Đức M, Lò Thị L, Lò Thị V, Mòng Văn T, Quảng Thị Đ để phục vụ giám định. Quá trình điều tra đã thu giữ 01 điện thoại di động Redmi Note 8, kèm sim của Lò Thị L.

Tại Phiếu phân tích chất ma túy số 650, 651, 652, 653, 654, 655 ngày 29/2/2024 của V2 xác định: trong mẫu máu của Mạc Văn H, Trần Đức M, Lò Thị L, Lò Thị V, Mòng Văn T, Quảng Thị Đ có tìm thấy chất E.

Tại kết luận giám định số 3931 ngày 23/10/2024 của Phòng K4 Công an thành phố H kết luận: Dữ liệu video trên thẻ nhớ ký hiệu A1 và trên USB ký hiệu A2 không cắt ghép, chỉnh sửa, những dữ liệu trên được ghi nhận theo chế độ phát hiện chuyển động của camera ghi hình.

Về vật chứng: 01 điện thoại di động Redmi Note 8, kèm sim thu của Lò Thị L đã được chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn để quản lý.

Tại bản cáo trạng số: 09/CT-VKS ngày 18/02/2025, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Mạc Văn H, Trần Đức M, Lò Thị L, Lò Thị V, Mòng Văn T, Quảng Thị Đ về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện VKS đề nghị HĐXX áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255, Điều 38, Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố các bị cáo Mạc Văn H, Trần Đức M, Lò Thị L, Lò Thị V, Mòng Văn T, Quảng Thị Đ đều phạm tội: Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Đức M từ 08 năm tù đến 08 năm 03 tháng tù, thời hạn tính từ ngày 02/10/2024; bị cáo Mạc Văn H từ 07 năm 09 tháng tù đến

8 năm tù, thời hạn tính từ ngày 02/10/2024; bị cáo Lò Thị L từ 07 năm 06 tháng tù đến 07 năm 09 tháng tù, thời hạn tính từ ngày 02/10/2024; bị cáo Lò Thị V từ 07 năm 03 tháng tù đến 07 năm 06 tháng tù, thời hạn tính từ ngày 02/10/2024; bị cáo Mòng Văn T từ 07 năm 06 tháng tù đến 07 năm 09 tháng tù, thời hạn tính từ ngày 02/10/2024; bị cáo Quảng Thị Đ từ 07 năm 03 tháng tù đến 07 năm 06 tháng tù, thời hạn tính từ ngày 13/01/2025.

Trả lại bị cáo Lò Thị L 01 điện thoại di động Redmi Note 8, kèm sim.

Về án phí: Các bị cáo Mạc Văn H, Trần Đức M mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng cho các bị cáo: Lò Thị L, Lò Thị V, Mòng Văn T, Quảng Thị Đ.

Các bị cáo Mạc Văn H, Trần Đức M, Lò Thị L, Lò Thị V, Mòng Văn T, Quảng Thị Đ khai nhận hành vi phạm tội của mình và đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo Lò Thị L, Lò Thị V, Mòng Văn T và Quảng Thị Đ trình bày: Nhất trí với tội danh và điều luật của đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị HĐXX xem xét nhân thân và hoàn cảnh gia đình của các bị cáo L, Đ đều có con nhỏ, bị cáo L, V sinh sống trong hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, không được đi học. Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sống trong vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên đề nghị HĐXX xem xét miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo. Đề nghị HĐXX áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo L, T mỗi bị cáo từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù, bị cáo Đ từ 07 năm đến 07 năm 03 tháng tù, bị cáo V từ 07 năm đến 07 năm 03 tháng tù. Nhất trí việc không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo Mạc Văn H, Trần Đức M, Lò Thị L, Lò Thị V, Mòng Văn T, Quảng Thị Đ tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Tối ngày 25/2/2024, Mạc Văn H, Trần Đức M, Lò Thị L, Lò Thị V, Mòng Văn T, Quảng Thị Đ cùng thống nhất chung tiền đi mua ma túy tổng hợp và thuê phòng hát để sử dụng ma túy. Sau khi mua được 04 viên ma túy, đến khoảng 20 giờ cùng ngày 06 người cùng đi đến quán Karaoke Ngọc H4, có địa chỉ ở: khu dân cư L - phường H- thị xã K, tỉnh Hải Dương thuê phòng hát số 3 để hát và cùng chia nhau sử dụng hết 4 viên ma túy tổng hợp. Sau đó đến khoảng 23 giờ cùng ngày 06 người tiếp tục đi đến quán K3, địa chỉ ở: khu dân cư L, phường H, thị xã K thuê phòng hát số 2 để hát và mua thêm 03 viên ma túy tổng hợp chia nhau sử dụng hết. Đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 26/2/2024 thì Tổ công tác thuộc Công an thị xã K đến phòng hát số 2 kiểm tra, lập biên bản vụ việc.

[3] Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực

hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo tổ chức cho nhiều người cùng sử dụng ma túy và trong cùng ngày đã tổ chức 2 lần sử dụng ma túy ở hai địa điểm khác nhau. Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Mạc Văn H, Trần Đức M, Lò Thị L, Lò Thị V, Mòng Văn T, Quảng Thị Đ phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước, xâm phạm đến trật tự, an toàn xã hội, còn là nguyên nhân làm lan truyền tệ nạn ma túy và phát sinh nhiều tệ nạn xã hội khác, cũng như ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt của đời sống xã hội. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi cố ý đã gây ra và phải chịu một hình phạt theo quy định của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo về tội phạm trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Đây là vụ án có yếu tố đồng phạm, để có mức án tương xứng với hành vi và lỗi của các bị cáo, Toà án phân tích đánh giá vai trò của các bị cáo như sau: Trong vụ án này Trần Đức M là người rủ rê, đề xuất mua ma túy (lần thứ nhất) về sử dụng có vai trò chính, tiếp đến là Mạc Văn H trực tiếp liên hệ mua ma túy giữ vai trò thứ hai; tiếp đến bị cáo Lò Thị L là người đề xuất mua ma túy (lần thứ hai) để sử dụng, Lò Thị V, Mòng Văn T, Quảng Thị Đ cùng thống nhất góp chung tiền đi mua ma túy là đồng phạm với vai trò giúp sức.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Tuy nhiên bị cáo M có nhân thân xấu đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ người phạm tội thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, cần phải xử phạt nghiêm và áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có công việc, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động Redmi Note 8, kèm sim xác định là tài sản của Lò Thị L. Khi cho H mượn điện thoại L không biết H sử dụng vào việc gọi điện đặt mua ma túy, bị cáo L có đề nghị được nhận lại điện thoại nên xác định điện thoại trên không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo L theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[8] Trong vụ án này, đối với hành vi bán ma túy của Nguyễn Văn L1 đã bị Toà án nhân dân thị xã Kinh Môn xét xử tại bản án hình sự số 96/2024/HS-ST ngày 25/12/2024 nên không đặt ra việc xử lý.

[9] Đối với hành vi của bà Trần Thị N4 và bà Nguyễn Thị T2 là chủ quán Karaoke Ngọc H4 và Hồng N5 để xảy ra việc sử dụng trái phép chất ma túy tại

quán, nhưng bà N5 và bà T2 không biết việc M và những người khác sử dụng chất ma túy tại phòng hát nên hành vi không cấu thành tội phạm. Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Mạc Văn H, Trần Đức M, Lò Thị L, Lò Thị V, Mòng Văn T, Quảng Thị Đ. Cơ quan công an thị xã K đã đề nghị Chủ tịch UBND thị xã K ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với những người trên nên không đặt ra việc giải quyết.

[10] Về án phí: Các bị cáo Mạc Văn H, Trần Đức M, Lò Thị L, Lò Thị V, Mòng Văn T, Quảng Thị Đ bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Tuy nhiên bị cáo Lò Thị L, Lò Thị V, Mòng Văn T, Quảng Thị Đ là người dân tộc thiểu số, sống trong vùng kinh tế đặc biệt khó khăn và có đề nghị được miễn án phí. Do vậy miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo L, V, T, Đ theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 255, Điều 38, Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo Mạc Văn H, Trần Đức M, Lò Thị L, Lò Thị V, Mòng Văn T, Quảng Thị Đ đều phạm tội: Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

2. Xử phạt:

- Bị cáo Trần Đức M **08 (tám)** năm **03 (ba)** tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 02/10/2024.

- Bị cáo Mạc Văn H **08 (tám)** năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 02/10/2024

- Bị cáo Lò Thị L **07 (bảy)** năm **09 (chín)** tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 02/10/2024

- Bị cáo Lò Thị V **07 (bảy)** năm **06 (sáu)** tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 02/10/2024

- Bị cáo Mòng Văn T **07 (bảy)** năm **06 (sáu)** tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 02/10/2024

- Bị cáo Quảng Thị Đ **07 (bảy)** năm **06 (sáu)** tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 13/01/2025

3. Về xử lý vật chứng: Trả lại bị cáo Lò Thị L 01 điện thoại di động Redmi Note 8, kèm sim.

(Vật chứng được bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương có đặc điểm theo như Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 24/02/2025 giữa Công an thị xã K và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn).

4. Về án phí: Các bị cáo Mạc Văn H, Trần Đức M mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng cho các bị cáo: Lò Thị L, Lò Thị V, Mòng Văn T, Quàng Thị Đ.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an tỉnh Hải Dương;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Hải Dương.
- Công an tỉnh Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, hồ sơ thi hành án hình sự, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)
Đỗ Thị Hạnh**

